**Số: 6148229**

| | Kia New Carnival 2.2D Premium 8S | PEUGEOT 5008 PREMIUM ALL-NEW |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **1.459.000.000đ** | **1.379.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 5155 x 2010 x 1775 | 4.790 x 1.895 x 1.735 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 3090 | 2.900 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5800 | |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 172 | 204 |
| Khối lượng không tải (kg) | 2080 | |
| Khối lượng toàn tải (kg) | 2800 | |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 1139 - 4110 | |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 72 | |
| Số chỗ ngồi | 8 | 7 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | Smartstream D2.2 | 1.6L Turbo Puretech |
| Dung tích xi lanh (cc) | 2151 | |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 199 / 3800 | 180 hp @ 5.500 rpm |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 440 / 1750-2750 | 300 Nm @ 2.000 rpm |
| Hộp số | 8AT | Tự động 6 cấp |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | |
| Hệ thống treo trước | Mc Pherson | |
| Hệ thống treo sau | Liên kết đa điểm | |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | |
| Thông số lốp xe | 235/55 R19 | Mâm hợp kim 19-inch kiểu Breda |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 7.8 | |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.7 | |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 6.5 | 9,12 L/100 km |
| Chế độ lái | Normal/Eco/Sport/Smart | |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED | LED |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | |
| Đèn ban ngày LED | ● | ● |
| Đèn sương mù | LED | |
| Cụm đèn sau | LED | LED mô phỏng móng vuốt sư tử |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | |
| Gạt mưa tự động | ● | |
| Trang bị khác | Baga mui, Cốp điện, Bệ bước chân, Cửa hông trượt điện | Màn hình phím chức năng i-Toggles |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● | |
| Chất liệu ghế | Da | |
| Ghế người lái chỉnh điện | ● | ● |
| Ghế người lái có nhớ vị trí | ● | |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ● | ● |

| | | |
|---|---|---|
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | ● | |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi | ● | |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 12.3" | Cụm màn hình cong panoramic 21-inch |
| Màn hình giải trí trung tâm | 12.3" | Cụm màn hình cong panoramic 21-inch |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | Không dây | Không dây |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 3 | 3 vùng độc lập |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | Hàng 2 và 3 | |
| Chìa khóa thông minh | ● | |
| Khởi động nút bấm | ● | |
| Khởi động từ xa | ● | |
| Hệ thống âm thanh | 6 loa | |
| Lẫy chuyển số | ● | Cần số dạng lẫy e-Toggle |
| Sạc không dây Qi | ● | ● |
| Phanh đỗ điện tử | ● | |
| Giữ phanh tự động Autohold | ● | |
| Rèm che nắng | ● ( hàng 2 và 3) | |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | |
| Trang bị khác | Hàng ghế 2 chỉnh điện, tích hợp sưởi, làm mát | Màn hình phím chức năng i-Toggles |

**AN TOÀN:**

| | | |
|---|---|---|
| Số túi khí | 8 | 06 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS | ● | |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ● | |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước, sau, bên hông | Phía trước và sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường | ● | |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường | ● | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | |
| Camera lùi | Camera 360 | |
| Khác | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) | Nhận diện biển báo tốc độ |